

C U NGUY N và T NG KINH

Tâm Di u

Đ o Ph t trên ý nghĩa thi t y u là “bi n ch ng gi i thoát” hay là con đ ng g ai thoát. G ai thoát kh i kh đau, sinh t luân h i. Tuy cùng đi trên m t con đ ng, nh ng vì con ng i có nhi u tâm tính, trình đ , kh năng và căn c khác nhau, i vì tùy hoàn c nh, tùy phong t c, t p quán, lu t l thay đ i theo t ng đ a ph ng và tùy th i đi m, cho nên Đ c Ph t đã đ a ra vô s ph ng ti n khác nhau, th ng đ c tiêu bi u b ng con s 84 nghìn pháp môn, đ h ng d n m i ng i đ t đ n c u cánh giác ng , gi i thoát. C u nguy n và t ng kinh, tuy không ph i là c u cánh, nh ng cũng là m t trong 84 nghìn pháp môn.

C U NGUY N



Th i Đ c Ph t t i th , có chàng trai tr đ n xin Ph t làm l c u siêu cho ng i cha v a quá vãng. Bi t r ng chàng trai tr tràn ng p n i đau kh ch c khó có th hi u đ c nh ng lý l trong lúc này, nên Đ c Ph t đã ph i dùng ph ng ti n b ng hình nh c th v i nh ng đ c tính đ i l p, m t hòn đá và m t lon d u, c hai đ c ném xu ng h , đá n ng chìm xu ng và d u nh n i lên. Đ c Ph t tr l i, nh m t hòn đá n ng đ c th chìm xu ng đáy h , cho dù v i s c

cổ u nguy n c a s đồng, hòn đá v n không th n i lên m t n c. Qua đó, Đ c Ph t kh ng đ nh n u con ng i t o nghi p x u thì ch u qu báo x u và t o nghi p t t thì đ c h ng qu báo t t, cổ u nguy n không th làm thay đ i đ c nghi p l c, nh t là khi nghi p đã chín mu i. Rõ ràng, cổ u nguy n đ mong gi i t i, xóa s ch ác nghi p đã t o, phó thác hoàn toàn vào tha l c nh các Bà la môn h ng tin t ng là m t vi c làm vô ích [33].

Tuy nhiên, trong m t vài tr ng h p khác, cũng trong kinh Pali, Đ c Ph t cho th y s cổ u nguy n có nh h ng đ n ng i khác và môi tr ng s ng chung quanh. Đi n hình là tr ng h p T kheo Angulimāla, ông v n là m t tay c p gi t ng i n i ti ng, nh ng Angulimāla đ c Ph t hoá đ , tr thành T kheo. M t hôm, Angulimāla đi kh t th c, g p m t ng i đàn bà s p lâm b n đang rên si t đau đ n bên đ ng. Không bi t làm th nào, Angulimāla tr v h i Đ c Ph t. Đ c Ph t khuyên Angulimāla đem l i sau đây nói v i ng i đàn bà: "Này cô, t ngày đ c sanh vào Thánh t c (nghĩa là t ngày tôi xu t gia), tôi ch a h có ý tiêu di t đ i s ng c a m t sinh v t nào. Do l i chân th t này, c mong cô đ c vuông tròn và con c a cô đ c bình an vô s ." [34] Angulimāla h c thu c lòng bài kinh, r i đi đ n n i, ng i cách ng i ph n m t b c màn che, đ c l i. Ng i m đau đ n li n sanh đ c đ dàng.

Đ n nay bài kinh Angulimāla Paritta [35] này v n còn đ c l u hành m t s qu c gia Ph t giáo Nam Truy n. Đi u này cho th y năng l c n i t i (**qua tâm t và gi gi i**) c a hành gi có th có tác đ ng đ n ngo i gi i, đ n môi tr ng chung quanh và nh h ng y l i đ c chuy n t i b i ngôn ng (l i kinh).

S c m nh c a tâm t và năng l c trì gi i c a Tôn g a Angulimāla đã chuy n hoá tại h a c a s n ph , khi n cho m con đ c an lành.

Cũng vào th i Ph t, có m t s t kheo s ng trong r ng sâu b r n đ c c n b th ng nhi u có khi gây t n h i đ n sinh m nh, nên Ph t đã d y các t kheo y h y r i tâm t đ n các loài r n đ c thì s tránh kh i. Ph t d y bài k . N i dung bài k không ph i là nh ng câu th n chú bí hi m, mà ch là nh ng l i i c nguy n, mong cho tâm t c a hành gi lan to đ n chúa t các loài r n đ c, các sinh v t không chân, hai chân và b n chân; c nguy n chúng sinh các lo i đ u đ c an lành, không làm h i đ n t kheo. Văn c nguy n này đ c g i là “h chú” (parittam) [36].

Trong th i c n đ i, m t v bác sĩ ng i Pháp qua Vi t Nam làm các vi c t thi n nh ng năm đ u th p niên th k 20 cũng xác nh n r ng nh “tâm t” mà ông đã thoát đ c n n r n đ c. Đó là tr ng h p bác sĩ Yersin: “Năm 1894 bác sĩ Yersin đi t cao nguyên Lang Bian đ n Darlac r i t Darlac đ n Attopeu, m t b a n bác sĩ đang đi trong r ng, m t chăm chú nhìn lên các ng n cây cao, thì b ng nghe sau l ng có ti ng đ ng. Quay l i thì ngó th y m t con r n h mang to l n đ ng th ng lên trên đuôi, phùng mang le n c đ c. Bác sĩ Yersin đ ng yên, thái đ hoàn toàn bình th n. R n l c l chi c đ u đ p mu n nh y đ n ch p, nh ng l i tr tr . H i lâu h mình xu ng v t phóng vào b i r m r i đi m t. Nghe đ c câu chuy n, có ng i đ n

Hỏi bác sĩ có phải như thuật thôi miên mà thoát nạn chẳng? Bác sĩ cười đáp: “Rắn độc cũng như thú dữ, con người chỉ đứng trước. Chúng đều có linh tính. Một khi nhận biết rằng mình không có ác tâm, ác ý đối với chúng thì không bao giờ chúng làm hại mình”[37].

Trên đây là một số trường hợp gặp cứu an cứu hộ có tính cách cá nhân cho mình hoặc cho người, nhưng như vào ***năng lực tâm và trí tuệ***. Trong trường hợp số đông chúng sinh như các vùng bị thiên tai, bão lụt làm mất tích và chết nhiều người, dù nhận các biện pháp tàn phá khác. Phật giáo, ngoài những nỗ lực cứu giúp bằng các phương tiện vật chất còn có biện pháp cứu hộ khác bằng năng lực cứu nguy hiểm của sự đồng lòng với tâm từ bi, với chánh tín và chánh kiến qua việc đức Phật tòng kinh Châu Báu [38] như tất cả các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Nam truyền thông ứng đáp.

Như thế có thể nói rằng ngoài thế lực, trong Phật giáo còn có tha lực và cứu nguy hiểm, vốn là một trong 84 ngàn pháp môn tu tập trong đạo Phật. Sự cứu nguy hiểm có thể được gọi thích như là một ý lực mạnh mẽ chuyển hóa nghiệp lực đời và thế thân đang thọ hưởng cho tha nhân chuyển hóa nghiệp lực của chính họ, mà chuyển yếu là ***sức mạnh của tâm từ bi và trí tuệ***.

TÒNG KINH

Tòng kinh là cách hành trì rất phổ biến của hai trường phái Phật giáo Nam Truyền và Bắc Truyền.

Kinh có nghĩa là những lời Phật dạy, bao gồm những bài thuyết pháp của Đức Phật tại buổi thuyết pháp đầu tiên tại Ba La Nại cho đến lúc Phật nhập Niết Bàn.

Tòng kinh là đôn đốc những lời Phật dạy và đứng trước mặt mình đang đứng lời của Phật dạy vào cuộc sống hàng ngày là ***không làm các việc ác, làm các việc lành và tự thanh tịnh tâm ý***. Khi tòng kinh, do chú tâm vào lời kinh nên cả ba nghiệp là thân, khẩu và ý không có cách nào tạo tác. Do đó xa lìa được các gốc rễ của khổ đau như tham lam, sân hận, si mê, đem lại lợi ích cho mình và người.

Nhiều bài kinh quan trọng về giáo lý căn bản của Đức Phật được chọn ra từ các bộ kinh. Tên những bộ kinh nguyên thủy bằng chữ Pali được chọn ra là: Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), Trung Bộ Kinh (Majjima Nikaya), Tập Bộ Kinh (Samyutta Nikaya), Tăng Chi Bộ Kinh, (Anguttara Nikaya) và Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya). Các Kinh nguyên thủy bằng chữ Sanskrit gồm có các bộ A Hàm (Agamas) như Trường Bộ A Hàm, Trung Bộ A Hàm, Tăng Nhứt A Hàm, và Tạp A Hàm (tập hợp những các bộ Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tập Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh thuộc văn hệ Pali). Ngoài ra còn có các kinh thuộc Phật giáo Bắc Truyền như: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Kim Cang, Kinh Diệu Bát Nhã, Kinh Diệu Bát Niết Bàn, Kinh Diệu Bồ Tát Tích, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Kinh Duy Ma Cật, Kinh A Di Đà, và còn rất nhiều nữa.

Những kinh mà người Phật tử tụng trong truyền thống Phật giáo Nam Truyền được **cổ u an** là **Kinh Châu Báu**

và

Kinh Phật Lực

. Cổ u siêu là

Kinh Vô Ngã Tướng

và

Kinh Hỷ Hạnh Vong Linh

. Đức với Phật giáo Bắc Truyền kinh Cổ u an là

Kinh Phật Môn

và cổ u siêu là

Kinh A Di Đà

và

Kinh Địa Tạng

.

“Cổ u An” có nghĩa là các nguy hiểm cho chính chúng ta hay cho người khác tránh khỏi các hình thái của ma quỷ, bất hạnh, đau khổ, và những hàng xui của những sự thay đổi môi trường sống trong những hành tinh cũng như đời sống tin tưởng nơi tâm bằng chính tâm bị, chánh tín, chánh kiến và năng lực giải quyết những của chúng ta. Còn “Cổ u Siêu” là nguy hiểm cho những người thân quá hoặc bị quên hay không quen của chúng ta, những vì tâm từ, vì họ mà làm những việc thiện để họ hạnh phúc cho họ được những vào phạm vi lãnh đó mà vượt thoát khỏi ba đời khổ.

Việc tránh ác, làm thiện và giải quyết cá nhân và của xã hội, hợp với sự minh gia hạnh của thanh tịnh để họ chúng Bồ Tát, của chữ Phật và các vị thiện thiện có thể đem lại kết quả, để được mục đích cổ u an như ý của mong muốn. Sự gia hạnh mà trong kinh sách thường nói đến như là một tha lực, là đi vào rất khó giải thích, chỉ có thể cảm nhận được bộ kinh nghiễm nhiên thân.

Chú Thích: [33] HT. Thích Minh Châu, Kinh T ng ng B T p IV Thiên 6 x Ch.8 Đo n 6:
[http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm) [34] HT. Narada Maha
Thera, Ph m Kim Khánh d ch Vi t, 1998, Đ c Ph t và Ph t Pháp
[http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm)

[35] HT. Thích Minh Châu, Kinh Trung B , Angulimala Sutta, kinh th 86.
[http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm)

[36] Suzuki - TT. Thích Tu S , Thi n và Bát Nhã, Vi n CDPH H i Đ c, 2004.

[37] Quách T n, X Tr m h ng. H i Văn h c ngh thu t Khánh Hòa tái b n 2003.

[38] HT. Thích Minh Châu, Kinh T u B T p I Kinh T p, (I) Kinh Châu Báu (Ratana Sutta) (Sn 39)
<http://thuvienhoasen.org/kinhtieubo1-05-kinhtap-02.htm>
và C sĩ Nguyên Giác, B n d ch Vi t:
<http://www.thuvienhoasen.org/cacphaphoquocandan.htm>